

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2020/DS-PT  
Ngày 24-8-2020  
V/v tranh chấp yêu cầu bồi  
thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Trúc

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Ông Nguyễn Văn Tài

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 217/2020/QĐPT-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Bảo hiểm B; địa chỉ: Phòng 601, Tầng 6, số 23, quận H, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Cao Đại Kỳ Q; địa chỉ: Số 332/57, khu phố 1, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 84/2017/BHTM/GUQ).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH H; địa chỉ: Số 06/20/5, Phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số D597A, tổ 12, khu phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền;

2. Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 103B/2, khu phố 1, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Số 384, khu phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền

(Văn bản ủy quyền số 01/UQ-TB ngày 01/8/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH R; địa chỉ: Số 30, đường số 3, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH R:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Đ, huyện H, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên lạc: Số 16, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/3/2019).

2. Công ty TNHH P; địa chỉ: Số 11/2/19, đường Nguyễn Văn Tiên, khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P:* Bà Trần Nguyễn Kiều O, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 189/85/9, khu phố 2, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 52/UQ-2018 ngày 20/6/2018).

3. Ông Đinh Văn K, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 666/5/2, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty TNHH MC, địa chỉ: Tầng 9, số 41, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Cao Đại Kỳ Q trình bày:*

Ngày 18/7/2014, Công ty TNHH R (gọi tắt là Công ty R) ký kết Hợp đồng bảo hiểm “Mọi rủi ro tài sản” số FA000244 với Công ty TNHH Bảo hiểm B (gọi tắt là Công ty bảo hiểm B).

Ngày 16/12/2014, Công ty R đã ký kết với Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P) Hợp đồng số TRV-TP-XLCTNH-1401 về xử lý chất thải nguy hại và thu mua phế liệu công nghiệp phát sinh tại nhà máy của Công ty R. Theo nội dung hợp đồng xử lý chất thải, Công ty P có trách nhiệm cung cấp phương tiện vận chuyển và đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ an toàn cần thiết để thu gom chất thải tại nhà máy của Công ty R, đồng thời chịu trách nhiệm thu mua, bốc xếp, làm vệ sinh và chuyển chở các phế liệu, chất thải này ra khỏi nhà máy Công ty R.

Ngày 05/6/2015, để thực hiện hợp đồng xử lý chất thải, Công ty P đã thuê Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) thực hiện một phần công việc của Công ty P là chuyển chở chất thải, phế liệu ra khỏi nhà máy Công ty R. Công ty H đã cử ông Đinh Văn K, nhân viên lái xe của Công ty điều khiển xe tải biển số 54T-1278 (loại xe tải có cần cẩu) đến nhà máy Công ty R để chở chất thải, phế liệu. Sau khi bốc xếp chất thải, phế liệu lên xe, ông Đinh Văn K là người điều khiển xe tải biển số 54T-1278 cho xe chạy ra khỏi nhà máy Công ty R. Trong quá trình xe di chuyển từ nơi bốc xếp chất

thải, phế liệu ra cổng nhà máy, ông Đinh Văn K không hạ cần cầu xuống nên khi xe đi qua hệ thống khung giá đỡ trên đường nội bộ của nhà máy, cần cầu xe tải đã va chạm mạnh vào hệ thống khung giá đỡ, gây hậu quả nghiêm trọng làm hư hỏng hệ thống khung giá đỡ, các đường ống hệ thống xử lý nước thải, cáp điện và bán thành phẩm của Công ty R. Sự cố này đã làm cho nhà máy phải ngưng hoạt động sản xuất, kinh doanh trong một thời gian dài để chờ khắc phục, sửa chữa hư hại, phục hồi sản xuất. Ngày sau khi sự cố xảy ra, Công ty R đã mời các bên liên quan để lập biên bản ghi nhận sự cố.

Ngày 25/12/2015, trên cơ sở hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty R và Công ty bảo hiểm B, đồng thời dựa trên báo cáo giám định của Công ty TNHH MC về nguyên nhân và mức độ thiệt hại của sự cố nêu trên. Công ty bảo hiểm B đã xác định trách nhiệm bảo hiểm đối với tổn thất, thiệt hại của Công ty R và đồng ý bồi thường cho Công ty R số tiền 3.348.344.686 đồng, trên cơ sở giá trị thanh lý đối với tài sản tổn thất, số tiền bảo hiểm Công ty bảo hiểm B thực tế phải thanh toán là 3.317.962.820 đồng. Sau khi thanh toán đầy đủ số tiền bồi thường cho Công ty R, Công ty bảo hiểm B đã được Công ty R lập “Thư thế quyền” với nội dung chuyển cho Công ty bảo hiểm B quyền yêu cầu bên thứ ba gây ra tổn thất bồi hoàn số tiền mà Công ty bảo hiểm B đã bồi thường cho Công ty R.

Trong quá trình xem xét, đánh giá các tổn thất thiệt hại xảy ra đối với tài sản của Công ty R, các bên liên quan đã xác định bên có lỗi gây ra tổn thất, thiệt hại của Công ty R là Công ty H. Cụ thể, ông Đinh Văn K – người điều khiển xe tải biển số 54T-1278 gây thiệt hại như đã nêu ở trên là nhân viên của Công ty H, đã gây ra tổn thất, thiệt hại trong quá trình thực hiện công việc do Công ty H giao, đồng thời xe tải biển số 54T-1278 nói trên cũng thuộc sở hữu của Công ty H. Với các căn cứ nêu trên, Công ty H được xác định là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, đồng thời là pháp nhân trực tiếp gây ra sự cố, làm thiệt hại đến tài sản của Công ty R.

Do đó, căn cứ theo quy định pháp luật, căn cứ vào Thư thế quyền của Công ty R, nay Công ty TNHH Bảo hiểm B yêu cầu Công ty TNHH H bồi thường số tiền 3.317.962.820 đồng cho Công ty bảo hiểm B.

*- Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH H trình bày:*

Ngày 16/12/2014, Công ty R đã ký kết với Công ty TNHH P Hợp đồng số TRV-TP- XLCTNH-1401 về xử lý chất thải nguy hại và thu mua phế liệu công nghiệp phát sinh tại nhà máy của Công ty R. Quá trình thực hiện hợp đồng do công việc nhiều nên Công ty P có thuê Công ty TNHH H làm phụ một số công việc như chở hàng, bốc hàng tại Công ty TNHH R và chở hàng về Công ty TNHH P, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng.

Ngày 05/6/2015, ông Đinh Văn K là tài xế của Công ty TNHH H chở hàng từ Công ty R ra khỏi công ty. Do ông K quên hạ cần cầu nên làm cong sắt giá đỡ phía bên hông của Công ty R.

Sau khi sự việc xảy ra, ông K về có báo cáo lại sự việc, đại diện của Công ty TNHH H đã đến Công ty R làm việc nhưng Công ty R từ chối làm việc với Công ty TNHH H mà chỉ đồng ý làm việc với Công ty TNHH P vì họ cho rằng họ không biết Công ty TNHH H là ai, họ chỉ ký hợp đồng với Công ty TNHH P. Thậm chí đến khi

các bên giám định mức độ hư hỏng và thiệt hại thì tự các bên thuê giám định rồi đưa ra mức độ thiệt hại chứ không mời Công ty TNHH H tham gia. Cho đến khi các bên không thương lượng được nên Công ty TNHH Bảo hiểm B đã khởi kiện Công ty TNHH P đến Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và Tòa án có mời Công ty TNHH H thì công ty mới biết.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì khi sự việc xảy ra các công ty và bảo hiểm làm việc với nhau và tự yêu cầu giám định hoàn toàn không cho Công ty TNHH H biết để tham gia, thậm chí khi Công ty TNHH H đến tham gia thì Công ty R từ chối làm việc, trong khi đó tài xế của Công ty TNHH H do không hạ cần cầu nên chỉ làm cong thanh sắt trên giá đỡ của Công ty R. Công ty TNHH H khẳng định trường hợp Công ty TNHH H làm hư tài sản thì Công ty TNHH H chấp nhận bồi thường nhưng khi giám định phải được tham gia để biết được mức độ và hư hại và số tiền bồi thường bao nhiêu.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH R do bà Nguyễn Thị Kim L đại diện trình bày:*

Ngày 16/12/2014, Công ty R đã ký kết với Công ty TNHH P Hợp đồng số TRV-TP- XLCTNH-1401 về xử lý chất thải nguy hại và thu mua phế liệu công nghiệp phát sinh tại nhà máy của Công ty R. Theo nội dung hợp đồng, Công ty P có trách nhiệm cung cấp phương tiện vận chuyển và đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ an toàn cần thiết để thu gom chất thải tại nhà máy của Công ty R; đồng thời chịu trách nhiệm thu mua, bốc xếp, làm vệ sinh và chuyên chở các loại phế liệu, chất thải ra khỏi nhà máy Công ty R. Còn Công ty R hoàn toàn không ký hợp đồng nào với Công ty TNHH H. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH P có thuê Công ty TNHH H làm phụ một số công việc thì Công ty R hoàn toàn không biết, đến khi sự việc xảy ra thì Công ty R mới biết.

Ngày 05/6/2015, ông Đinh Văn K là tài xế của Công ty TNHH H chở hàng từ Công ty R nhưng không hạ cần cầu nên làm hỏng hệ thống đường ống xử lý chất thải làm cho Công ty phải ngưng hoạt động.

Sau khi sự việc xảy ra, Công ty R có báo cho Công ty TNHH P và Công ty TNHH Bảo hiểm B đến để làm việc nhưng tại cuộc họp cũng có mặt của đại diện Công ty TNHH H và ông Đinh Văn K nhưng các bên không thống nhất được ý kiến.

Do Công ty R đã ký hợp đồng bảo hiểm với Công ty TNHH Bảo hiểm B và muốn biết mức độ thiệt hại xảy ra như thế nào nên Công ty R và Công ty TNHH Bảo hiểm B đã yêu cầu giám định để đưa ra mức độ thiệt hại và Công ty TNHH Bảo hiểm B bồi thường bảo hiểm cho Công ty R. Sau khi giám định, số tiền thiệt hại là 8.733.902.000 đồng nhưng Công ty TNHH Bảo hiểm B chấp nhận mức bồi thường là 3.317.962.820 đồng.

Ngoài số tiền 3.317.962.820 đồng được Công ty TNHH Bảo hiểm B bồi thường cho Công ty R thì Công ty TNHH P cũng đã bồi thường cho Công ty R số tiền 1.100.000.000 đồng, số tiền này sẽ được căn trừ vào số tiền xử lý chất thải mà Công ty R chưa chi trả cho Công ty P.

Ngày 07/12/2015, đại diện Công ty R và đại diện của Công ty P đã cùng ký vào “Thư ký kết về việc đồng ý biên bản cuộc họp ngày 03/12/2015”. Nội dung chính của văn bản là hai bên cùng nhất trí, đồng ý thực hiện theo biên bản cuộc họp về việc giải

quyết tổn thất do sự cố tại Công ty R Việt Nam ngày 05/6/2015 vào ngày 03/12/2015. Cùng thời gian này hai công ty cũng lập Biên bản đối chiếu bù trừ công nợ: Sau khi căn trừ số tiền bán sắt phế liệu 57.939.000 đồng và số tiền theo như cam kết bồi thường 1.100.000.000 đồng của Công ty R với tổng số tiền xử lý chất thải tính đến cuối tháng 10/2015 của Công ty P 1.497.251.270 đồng thì Công ty R còn phải thanh toán lại cho Công ty P số tiền 339.312.270 đồng. Tại thời điểm căn trừ công nợ này Công ty P không yêu cầu Công ty R thanh toán lãi suất của số tiền xử lý chất thải.

Xét thấy sự thỏa thuận về tổng giá trị thiệt hại, mức bồi thường thiệt hại do xảy ra sự cố tại Công ty R và hình thức bồi thường thiệt hại bằng việc căn trừ công nợ của hai công ty là tự nguyện, đồng thời sự thỏa thuận này có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật của hai công ty. Vì vậy, Công ty R không đồng ý với yêu cầu độc lập của Công ty P, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty bảo hiểm B.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH P do bà Trần Nguyễn Kiều O đại diện trình bày:*

Ngày 16/12/2014, Công ty R đã ký kết với Công ty TNHH P Hợp đồng số TRV-TP- XLCTNH-1401 về xử lý chất thải nguy hại và thu mua phế liệu công nghiệp phát sinh tại nhà máy của Công ty R. Theo nội dung hợp đồng, Công ty P có trách nhiệm cung cấp phương tiện vận chuyển và đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ an toàn cần thiết để thu gom chất thải tại nhà máy của Công ty R; đồng thời chịu trách nhiệm thu mua, bốc xếp, làm vệ sinh và chuyên chở các loại phế liệu, chất thải ra khỏi nhà máy Công ty R.

Trong nội dung của hợp đồng giữa Công ty R với Công ty P đã ký kết thì cho phép Công ty P liên kết với công ty khác để thực hiện một số công việc của Công ty P nên Công ty P có thuê Công ty H làm phụ Công ty P, hai bên chỉ nói qua điện thoại chứ không ký hợp đồng.

Đến tháng 3/2015, Công ty H bắt đầu thực hiện một số công việc mà Công ty P đã thuê.

Đến ngày 05/6/2015 thì bắt đầu xảy ra sự cố là ông K có làm hồng giá đỡ của Công ty R. Sau khi sự việc xảy ra, Công ty R có báo cho Công ty P và Công ty P có báo cho Công ty H và ông K đến Công ty R để làm việc nhưng Công ty R không cho Công ty H tham gia vì họ cho rằng không có ký hợp đồng với Công ty H.

Sau đó, Công ty R và Công ty TNHH Bảo hiểm B làm việc với nhau như thế nào, yêu cầu giám định ra sao là tự các bên thực hiện, hoàn toàn không báo cho Công ty P.

Mặc dù xảy ra thiệt hại nhưng Công ty P vẫn thực hiện công việc mà Công ty R đã thuê nhưng công nợ thì Công ty R không thanh toán cho Công ty P. Tại biên bản ngày 03/12/2015 các bên thống nhất là Công ty R căn trừ số tiền bồi thường 1.100.000.000 đồng thông qua công nợ của Công ty P nhưng với điều kiện Công ty R phải cung cấp được các hóa đơn chứng từ để chứng minh mức độ thiệt hại và mức độ lỗi nhưng Công ty R lại không cung cấp các hóa đơn cho Công ty P mà lại căn trừ số tiền công nợ 1.100.000.000 đồng. Sau đó một thời gian Công ty R mới xuất trình cho Công ty P một số chứng từ xác định mức độ thiệt hại lên đến hơn 8.000.000.000 đồng.

Nay Công ty P có yêu cầu độc lập với Công ty R, cụ thể: Hủy bỏ Biên bản thỏa

thuận ngày 03/12/2015 giữa Công ty R với Công ty P, buộc Công ty TNHH R trả lại cho Công ty P số tiền 1.516.545.938 đồng, gồm tiền bù trừ công nợ theo Biên bản ngày 07/12/2015 là 1.157.939.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/7/2015 đến ngày 07/11/2015 là 358.606.938 đồng) với lý do Biên bản thỏa thuận ngày 03/12/2015 dựa trên sự ép buộc là có yếu tố che giấu sự thật về việc tổn thất thực tế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MC có văn bản trình bày ý kiến:*

Về quá trình giám định theo sự chỉ định của Công ty TNHH Bảo hiểm B, báo cáo tổng hợp rủi ro công nghiệp ngày 26/12/2015 dựa trên điều kiện và điều khoản của hợp đồng bảo hiểm đã ký kết giữa công ty bảo hiểm và khách hàng của họ. Việc giám định bảo hiểm mà Công ty MC cung cấp là theo sự ủy quyền và chỉ định của Công ty bảo hiểm theo khoản 1 Điều 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm và xác định toàn bộ hồ sơ giám định thu thập được trong quá trình giám định đã cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm B nên Công ty MC không cung cấp hồ sơ giám định theo yêu cầu của Tòa án và cho rằng không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên mặc dù nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng từ chối tham gia tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn K không đến Tòa án để hòa giải và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tham gia phiên tòa; không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Bảo hiểm B về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc Công ty TNHH H phải bồi thường cho Công ty TNHH Bảo hiểm B số tiền 3.317.962.820 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH H phải nộp số tiền 98.359.256 đồng.

- Công ty TNHH Bảo hiểm B không phải nộp án phí; Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho Công ty TNHH Bảo hiểm B số tiền 49.180.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0022173 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho Công ty TNHH P số tiền 28.749.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0022553 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Ngoài ra, bản án còn quyết định quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 09/12/2019, ông Trần Quốc T1 và ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu đưa nhà thầu Obayashi tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan Công ty R giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ là hợp đồng bảo hiểm và báo cáo đánh giá rủi ro đều là bản photo, không đối chiếu bản chính; chưa làm rõ có hay không có quan hệ bảo hiểm giữa Công ty R và Công ty bảo hiểm B; theo thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì Công ty R phải chuyển giao quyền yêu cầu cho Công ty bảo hiểm B, tuy nhiên, Công ty R đã tự ý chủ động thương lượng với Công ty P bồi thường số tiền 1.100.000.000 đồng; chưa làm rõ các bên có thỏa thuận một phần thiệt hại hay toàn bộ thiệt hại; chưa thẩm định lại mức độ thiệt hại có liên quan đến hành vi gây thiệt hại hay không, những hành vi này đã gây thiệt hại thực tế như thế nào đối với sự cố ngày 05/6/2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nêu trên. Trường hợp không tạm ngừng phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; Công ty TNHH MC yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty TNHH R và Công ty TNHH Bảo hiểm B ký kết Hợp đồng bảo hiểm “Mọi rủi ro tài sản” số FA000244 ngày 18/7/2014 đối với tòa nhà, máy móc và thiết bị, trang thiết bị văn phòng, nguyên liệu lưu kho, thành phẩm lưu kho, dụng cụ; phí bảo hiểm là 43.020,05 USD; tổng giá trị bảo hiểm là 53.111.174 USD; thời hạn bảo hiểm từ ngày 16/7/2014 đến ngày 15/7/2015.

[2.2] Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 05/6/2015, ông Đinh Văn K là lái xe của Công ty H đã điều khiển xe tải biển số 54T-1278 đến Công ty R vận chuyển chất thải, phế liệu, trong quá trình vận chuyển ra khỏi Công ty R, ông K đã quên không hạ cần cầu xe tải, làm cần cầu va chạm vào hệ thống khung giá đỡ xử lý nước thải làm hư hỏng hệ thống xử lý nước thải của Công ty R. Những tài sản bị thiệt hại nằm trong phạm vi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm “Mọi rủi ro tài sản” số FA000244 ngày 18/7/2014. Do đó, đã xảy ra sự kiện bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm. Sau khi giám định, căn cứ Báo cáo tổng hợp mọi rủi ro công nghiệp ngày 26/12/2015 của Công ty Mc Larens Việt Nam và thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm, Công ty bảo hiểm B đã bồi thường cho Công ty R số tiền 3.317.962.820 đồng. Sau khi nhận đủ tiền bồi thường, Công ty R và Công ty bảo hiểm B đã lập “Thư thế quyền”, theo đó Công ty R trao

quyền cho Công ty bảo hiểm B đòi người gây ra tổn thất bồi thường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

[2.3] Căn cứ “Thư thế quyền”, Công ty bảo hiểm B đã khởi kiện Công ty P tại TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai yêu cầu bồi thường số tiền 3.317.962.820 đồng. Tuy nhiên, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 102/2017/DS-PT ngày 10/8/2017 của TAND tỉnh Đồng Nai đã nhận định xe tải gây thiệt hại là nguồn nguy hiểm cao độ được quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự, trong trường hợp này trách nhiệm bồi thường thiệt hại không phải của Công ty P nên đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty bảo hiểm B. Đến ngày 11/5/2018, Công ty bảo hiểm B nộp đơn khởi kiện Công ty H đòi bồi thường thiệt hại tại TAND thành phố T.

[2.4] Trên cơ sở thừa nhận của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định giữa Công ty R và Công ty P có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số TRV-TP-XLCTNH-1401 ngày 16/12/2014 để xử lý chất thải nguy hại và thu mua phế liệu công nghiệp phát sinh tại nhà máy của Công ty R. Theo nội dung hợp đồng tại điểm 1.3. Điều 1 thì Công ty P có quyền liên kết với nhà thầu phụ, đơn vị có đủ năng lực để thực hiện hoàn tất việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho bên Công ty R. Công ty P sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của nhà thầu phụ. Sau khi ký hợp đồng, Công ty P đã thuê Công ty H thực hiện một phần công việc của Công ty P là chuyển chở chất thải, phế liệu ra khỏi nhà máy Công ty R. Như vậy, giữa Công ty R và Công ty H không có quan hệ hợp đồng.

[2.5] Sau khi sự cố xảy ra, Công ty P đã xác định rõ trách nhiệm của mình trong các biên bản sau:

Biên bản ghi nhận sự việc được lập lúc 10 giờ 50 phút ngày 05/6/2015 (bút lục 330) có nội dung: *“Vụ việc này, phía Công ty TNHH P hoàn toàn chịu trách nhiệm”*.

Biên bản ghi nhận sự cố và thỏa thuận các bên liên quan ngày 05/6/2015, giờ kết thúc biên bản lúc 18 giờ 30 phút (bút lục 101 – 104) có nội dung: *“Đối với sự cố trên, bắt nguồn từ lỗi của Công ty P và Công ty rất lấy làm tiếc về sự cố trên đã gây ra thiệt hại cho Công ty R. Công ty P nhận trách nhiệm về sự cố này và đồng ý bồi thường thiệt hại do sự cố đã gây ra.”*

Và tại Biên bản cuộc họp ngày 03/12/2015 (bút lục 185), Công ty R và Công ty P đã lập biên bản có nội dung:

1. Công ty TNHH MTV P đồng ý trả cho Công ty TNHH R liên quan đến tổn thất sự cố với số tiền là 1.100.000.000 đồng.

2. Công ty P sẽ căn trừ số tiền chi trả này vào số tiền xử lý mà Công ty R chưa chi trả cho Công ty P...

3. Công ty R Việt Nam sẽ cung cấp hồ sơ liên quan đến tổn thất cho Công ty P trong quá trình Công ty P yêu cầu công ty TNHH H và tài xế Đinh Văn K bồi thường.

[2.6] Xét thấy, tại Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: *“1. Trong trường hợp người thứ ba có lỗi gây thiệt hại cho người được bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm đã trả tiền bồi thường cho người được bảo hiểm thì người được bảo hiểm phải chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn khoản tiền mà mình đã nhận bồi thường cho doanh nghiệp bảo hiểm.”*

[2.7] Như vậy, giữa Công ty R và Công ty H không có mối quan hệ hợp đồng



nào, mà chỉ có quan hệ hợp đồng giữa Công ty P và Công ty R; giữa Công ty P và Công ty H. Đối với sự cố ngày 05/6/2015 dẫn đến thiệt hại cho Công ty R, đây không phải là thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra mà là thiệt hại xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa Công ty H và Công ty P. Trong trường hợp này, đối chiếu với nội dung hợp đồng giữa Công ty P và Công ty R (được viện dẫn tại mục [2.4]), có căn cứ xác định người thứ ba gây thiệt hại theo khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm là Công ty P nên trách nhiệm bồi thường thuộc về Công ty P. Điều này hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng giữa Công ty P và Công ty R và đúng với ý chí khi thương lượng, thỏa thuận của Công ty P sau khi xảy ra sự cố thể hiện tại các biên bản được viện dẫn tại mục [2.5] nêu trên. Do đó, Công ty bảo hiểm B có quyền khởi kiện Công ty P để yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm, mà không có quyền khởi kiện Công ty H yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguồn nguy hiểm cao độ gây. Sau khi bồi thường, Công ty P có quyền yêu cầu Công ty H bồi thường theo quy định.

[3] Từ những phân tích trên, nhận thấy Công ty bảo hiểm B không có quyền khởi kiện Công ty H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, cần hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp một phần.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 148; điểm a khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 4 Điều 308; Điều 311; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH H.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 175/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Bảo hiểm B; địa chỉ: Phòng 601, Tầng 6, số 23, quận H, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH H; địa chỉ: Số 06/20/5, phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Công ty TNHH R; địa chỉ: Số 30, đường số 3, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH P; địa chỉ: Số 11/2/19, khu phố 11, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Ông Đinh Văn K, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 666/5/2, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH MC, địa chỉ: Tầng 9, số 41, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Trả cho Công ty TNHH Bảo hiểm B số tiền 49.180.000 đồng (bốn mươi chín triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022173 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trả cho Công ty TNHH P số tiền 28.749.000 đồng (hai mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022553 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**4. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Trả cho Công ty TNHH H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041309 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Trúc**